

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 36/CV-SHA-2026

No: 36/CV-SHA-2026

V/v: Công bố báo cáo tài chính
HN Quý 1.2026.

*Disclosure of Consolidated Financial
Statements for Q1/2026.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 29, 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**
Name of company : **Son Ha Sai Gon Joint Stock Company**
- Mã chứng khoán: **SHA**
Securities code: **SHA**
- Địa chỉ trụ sở chính: **292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh , Việt Nam.**
Address: **292/5 Hamlet 80, Dong Thanh Commun, Ho Chi Minh City, Vietnam**
- Điện thoại: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
Telephone: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person disclosing information:* Bà/Ms Ngô Thị Thanh Lan
- Loại thông tin công bố: ☐24h ☐72h ☐Yêu cầu ☐Bất thường ☒Định kỳ
Type of information disclosed: ☐24h ☐72h ☐Request ☐fanciful ☒periodic

Nội dung của thông tin công bố /Content of disclosure:

Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố thông tin về Báo cáo tài chính Hợp Nhất Quý 1.2026 và Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính Hợp Nhất so với cùng kỳ.

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company hereby discloses information regarding the Consolidated Financial Statements for Quarter 1 of 2026 and provides an explanation of the differences compared to the same period of the previous year.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/04/2026 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

This information was disclosed on the Company's website on April 29, 2026, at the following link:
<http://sonhasg.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.

Nơi nhận/Place of receipt:

- Như trên/As above
- Lưu VT/Save the collection

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
SƠN HÀ
SÀI GÒN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ
SÀI GÒN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0307526635, E=
VIETTELGROUP2020@
GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.04.29 09:43:12+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.2.2

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT/

Person publishing information

TỔNG GIÁM ĐỐC/General Director

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)/(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 March 2026

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
A - CURRENT ASSETS	100		861,292,661,728	903,134,430,321
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	59,293,814,065	83,829,048,674
1. Cash	111		59,293,814,065	83,829,048,674
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		28,200,000,000	26,200,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Allowance for decrease in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		28,200,000,000	26,200,000,000
4. Provision for impairment of short-term held-to-maturity investments	124		-	-
5. Other short-term investments	125		-	-
6. Allowance for impairment of other short-term investments	126		-	-
III. Short-term receivables	130		297,696,811,929	316,578,160,029
1. Short-term trade receivables	131	V.3	247,190,909,380	266,669,352,949
2. Short-term prepayment to suppliers	132		15,396,253,478	13,705,221,571
3. Short-term intercompany receivables	133		-	-
4. Receivables according to the progress of construction	134		-	-
5. Other short-term receivables	135	V.4	36,296,863,382	37,390,799,820
6. Allowance for doubtful short-term receivables	136	V.5	(1,197,863,881)	(1,197,863,881)
7. Shortage of assets awaiting resolution	137		10,649,570	10,649,570
IV. Inventories	140		468,858,388,232	468,151,665,313
1. Inventories	141	V.6	468,858,388,232	468,151,665,313
2. Allowance for decline in inventories	142	V.7	-	-
V. Other current assets	150		-	-
1. Short-term livestock held for one-time production	151		-	-
2. Seasonal crops or short-term crops for one-time harvest	152		-	-
3. Allowance for impairment of short-term biological assets	153		-	-
V. Other current assets	160		7,243,647,502	8,375,556,305
1. Short-term prepaid expenses	161	V.8	3,322,942,758	3,517,421,974
2. Deductible value added tax	162		3,893,215,090	4,830,644,678
3. Taxes and other receivables from the State	163		27,489,654	27,489,654
4. Purchase and resale of government bonds	164		-	-
5. Other short-term assets	165		-	-

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)

ASSETS	Code	Note	Closing balance	Opening balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		194,741,094,626	193,896,866,988
I. Long-term receivables	210		23,220,460,684	23,220,460,684
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayment to suppliers	212		-	-
3. Working capital provided to subordinate units	213		-	-
4. Long-term intercompany receivables	214		-	-
5. Other long-term receivables	215	V.4	23,220,460,684	23,220,460,684
6. Allowance for doubtful long-term receivables	216		-	-
II. Fixed assets	220		126,697,682,209	126,291,653,975
1. Tangible fixed assets	221	V.9	88,676,527,687	87,917,901,833
- Cost	222		252,928,821,438	249,116,824,031
- Accumulated depreciation	223		(164,252,293,751)	(161,198,922,198)
2. Finance lease fixed asset	224	V.10	236,371,291	290,918,512
- Cost	225		1,090,944,420	1,090,944,420
- Accumulated depreciation	226		(854,573,129)	(800,025,908)
3. Intangible fixed assets	227	V.11	37,784,783,231	38,082,833,630
- Cost	228		55,124,134,444	55,124,134,444
- Accumulated amortization	229		(17,339,351,213)	(17,041,300,814)
III. Investment property	230		-	-
1. Bearer livestock	231		-	-
a) Immature bearer livestock	232		-	-
b) Mature bearer livestock	233		-	-
- Cost	234		-	-
- Accumulated depreciation (*)	235		-	-
2. Livestock for one-time long-term produce	236		-	-
3. Seasonal crops or plants for one-time long-term	237		-	-
4. Allowance for impairment of long-term biological	238		-	-
IV. Investment property	240		-	-
- Cost	241		-	-
- Accumulated depreciation (*)	242		-	-
V. Long-term assets in progress	250		32,292,148,074	32,195,377,274
1. Long-term work in progress	251		-	-
2. Construction in progress	252		32,292,148,074	32,195,377,274
VI. Long-term financial investments	260		10,000,000,000	10,000,000,000
1. Investments in subsidiaries	261	V.2	-	-
2. Investments in joint-ventures and associates	262		-	-
3. Investments in other entities	263		-	-
4. Allowance for long-term financial investments	264		-	-
5. Held-to-maturity investments	265		10,000,000,000	10,000,000,000
6. Allowance for long-term held-to-maturity investment	266		-	-

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

VII. Other long-term assets	270		2,530,803,659	2,189,375,055
1. Long-term prepaid expenses	271	V.8	868,586,919	625,652,769
2. Deferred income tax assets	272		1,662,216,740	1,563,722,286
3. Long-term equipment, supplies and spare parts	273		-	-
4. Other long-term assets	274		-	-
TOTAL ASSETS	280		1,056,033,756,354	1,097,031,297,309

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)

NGUỒN VỐN	Code	Note	Closing balance	Opening balance
C - LIABILITIES	300		609,100,175,937	654,923,407,314
I. Current liabilities	310		608,601,514,937	654,375,335,314
1. Short-term trade payables	311	V.13	27,551,978,905	36,961,784,650
2. Short-term advances from customers	312		5,036,803,217	3,675,523,023
3. Dividends and profits payable	313	V.14	-	-
4. Taxes and other payables to the State	314		1,527,601,665	3,811,355,190
5. Payables to employees	315		5,814,412,821	6,199,258,087
6. Short-term accrued expenses	316	V.15	3,255,002,321	4,928,686,270
7. Short-term intercompany payables	317		-	-
8. Payables according to the progress of construction co	318		-	-
9. Short-term unearned revenue	319		-	-
10. Other short-term payables	320	V.16	927,919,116	748,071,978
11. Short-term borrowings and finance lease liabilities	321	V.18	562,205,890,048	595,768,749,272
12. Provision for short-term payables	322		-	-
13. Bonus and welfare fund	323	V.17	2,281,906,844	2,281,906,844
14. Price stabilization fund	324		-	-
15. Purchase and resale of government bonds	325		-	-
II. Non-current liabilities	330		498,661,000	548,072,000
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term taxes and other payables to the State	333		-	-
4. Long-term accrued expenses	334		-	-
5. Intercompany payables on working capital	335		-	-
6. Long-term intercompany payables	336		-	-
7. Long-term unearned revenue	337		-	-
8. Other long-term payables	338	V.16	243,419,000	233,919,000
9. Long-term borrowings and finance lease liabilities	339	V.18	255,242,000	314,153,000
10. Convertible bonds	340		-	-
11. Preference shares	341		-	-
12. Deferred income tax	342		-	-
13. Provision for long-term payables	343		-	-
14. Scientific and technological development fund	344		-	-

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continued)

RESOURCES	Code	Note	Closing balance	Opening balance
D - OWNERS' EQUITY	400		446,933,580,417	442,107,889,995
1. Owners' equity	411		351,186,320,000	351,186,320,000
- - Ordinary shares with voting rights	411a	V.19.b	351,186,320,000	351,186,320,000
- - Preference shares	411b		-	-
2. Share premium	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Conversion options on bond	413		-	-
4. Other capital of owners	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Asset revaluation differences	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Development investment funds	418		13,686,797,071	13,686,797,071
9. Enterprise reorganization assistance fund	419		-	-
10. Other equity fund	420		82,310,463,346	77,484,772,924
- - Accumulated retained earnings brought forward	420a		77,484,772,924	61,391,449,728
- - Retained earnings for the current year	420b		4,825,690,422	16,093,323,196
TOTAL RESOURCES	440		1,056,033,756,354	1,097,031,297,309

HCM, 28 April 2026

Preparer

Chief Accountant

General Directors






Le Hoang Oanh

Tran Thi Thu Hanh

Ngo Thi Thanh Lan

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CHỈ TIÊU	Code	Note	Fourth quarter		Accumulated from the beginning of the year to the end of this period		Unit: VND
			2025	2024	Current year	Prior year	
1. Revenue from sales of goods and rendering of service	01	VI.1	308,705,622,086	293,719,160,524	308,705,622,086	293,719,160,524	
2. Revenue deductions	02	VI.1	165,096,598	15,428,426,416	165,096,598	15,428,426,416	
3. Net revenue from sales of goods and rendering of service	10		308,540,525,488	278,290,734,108	308,540,525,488	278,290,734,108	
4. Cost of goods sold	11	VI.2	267,026,222,608	242,179,389,612	267,026,222,608	242,179,389,612	
5. Gross profit from sales of goods and rendering of service	20		41,514,302,880	36,111,344,496	41,514,302,880	36,111,344,496	
6. Profit/(Loss) from disposal of investment property	21		-	-	-	-	
7. Financial income	22		3,161,839,265	2,457,008,506	3,161,839,265	2,457,008,506	
8. Financial expenses	23	VI.4	8,527,619,732	7,853,570,690	8,527,619,732	7,853,570,690	
In which: Interest expenses	24		8,527,619,732	7,853,532,253	8,527,619,732	7,853,532,253	
9. Selling expenses	25	VI.5	22,869,042,310	18,790,456,497	22,869,042,310	18,790,456,497	
10. General and administrative expenses	26	VI.6	7,183,466,390	5,996,890,625	7,183,466,390	5,996,890,625	
11. Operating profit	30		6,096,013,713	5,927,435,190	6,096,013,713	5,927,435,190	
12. Other income	31	VI.7	68,037,588	75,418,538	68,037,588	75,418,538	
13. Other expenses	32	VI.8	221,325,655	453,957,409	221,325,655	453,957,409	
14. Other profit	40		(153,288,067)	(378,538,871)	(153,288,067)	(378,538,871)	
15. Net profit before tax	50		5,942,725,646	5,548,896,319	5,942,725,646	5,548,896,319	
16. Current Corporate income tax expenses	51		1,215,529,678	1,771,158,988	1,215,529,678	1,771,158,988	

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

17. Deferred Corporate income tax expenses	52	(98,494,454)	(102,507,904)	(98,494,454)	(102,507,904)
18. Net profit after tax	60	4,825,690,422	3,880,245,235	4,825,690,422	3,880,245,235
19. Profit after tax attributable to Parent Company	61	4,825,690,422	3,880,245,235	4,825,690,422	3,880,245,235
20. Profit after tax attributable to non-controlling shareholders	62	-	-	-	-
21. Basis Earnings per share	70	137	116	137	116
22. Diluted Earnings per share	71	137	116	137	116

Preparer



Le Hoang Oanh

Chief Accountant



Tran Thi Thu Hanh

HCM, 28 April 2026

General Directors



Go Thi Thanh Lan

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

Applying indirect

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Unit: VND

Items	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Year 2026	Year 2025
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		5,942,725,646	5,548,896,319
2. Adjustments for:				
- Depreciation and amortization	02		3,405,969,173	4,737,487,644
- Provisions	03		-	375,152,348
- Foreign exchange difference (gain)/loss from revaluation	04		-	-
- (Gain)/loss from investing activities	05		(78,478,334)	(304,161,292)
- Interest expenses	06		8,527,619,732	7,853,532,253
- Other adjustments	07		-	-
3. Operating profit before changes in working capital	08		17,797,836,217	18,210,907,272
- Increase, decrease in receivables	09		30,988,693,168	(27,964,000,410)
- Increase, decrease in inventories	10		(706,722,919)	(7,909,150,794)
- Increase, decrease in payables (excluding interest payable)	11		(24,372,844,925)	16,964,004,393
- Increase, decrease in prepaid expenses	12		(48,454,934)	174,678,720
- Increase, decrease in trading securities	13		-	-
- Interest paid	14		(8,706,118,003)	(8,067,416,552)
- Corporate income tax paid	15	V.14	(3,021,292,258)	(3,040,148,478)
- Other cash receipts from operating activities	16		-	-
- Other cash payments from operating activities	17		-	-
Net cash flows from operating activities	20		11,931,096,346	(11,631,125,849)
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(1,192,761,043)	(2,024,223,019)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	-
3. Expenditures on borrowing and purchase of debt instruments of other entities	23		(2,000,000,000)	-
4. Collection on borrowings and proceeds from sales of debt instruments of other entities	24		-	-
5. Payments for investment in other entities	25		-	-
6. Proceeds from equity investment in other entities	26		-	-
7. Proceeds from interests, dividends and distributed profit	27		348,200,312	304,161,292
Net cash flows from investing activities	30		(2,844,560,731)	(1,720,061,727)

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Consolidated cash flow statement (continued)

Items	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
			Year 2026	Year 2025
III. Cash flows from financing activities				
1.				
Proceed from issuance of shares and contributions of the	31		-	-
2.				
Repayment of contributions to owners, repurchase of sto	32		-	-
3. Proceed from borrowings	33		289,881,921,410	262,465,738,863
4. Repayment of principal	34		(323,503,691,634)	(264,592,481,280)
5. Repayment of finance lease principal	35	V.18	-	-
6. Dividends and profits paid to owners	36		-	-
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>(33,621,770,224)</i>	<i>(2,126,742,417)</i>
Net cash flows during the year	50		(24,535,234,609)	(15,477,929,993)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	V.1	83,829,048,674	69,395,860,579
Impact of exchange rate fluctuations	61		-	-
Cash and cash equivalents at the end of the year	70	V.1	59,293,814,065	53,917,930,586

Prepaper



Le Hoang Oanh

Chief Accountant



Tran Thi Thu Hanh

HCM, 28 April 2026

General Directors



 Ngo Thi Thanh Lan

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

I. OPERATION CHARACTERISTICS OF THE COMPANY**1. Form of capital ownership : Joint Stock Company**

Affiliated units:

Name	Location
- Son Ha Saigon Joint Stock Company Branch - Tan Binh Industrial Park Tax code: 0307526635-002	Lôt III-3A, Road No. 1, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City.
- Lam Dong Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-003	No. 31, Group 10, Lot 90, Nguyen Cong Tru Street, Lien Nghia Town, Duc Trong District, Lam Dong Province, Vietnam.
- Binh Duong Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-005	Binh Duong Avenue, Dinh Hoa Ward, City. Thu Dau Mot, Binh Duong Province, Vietnam.
- Dak Nong Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-008	Nghia Hoa Village, Dak Nia Commune, Gia Nghia City, Dak Nong Province, Vietnam
- Can Tho Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company Tax code: 0307526635-009	Lot 2.10G, Street 09, Tra Noc II Industrial Park, Phuoc Thoi Ward, O Mon District, Can Tho City, Vietnam
- Ba Ria - Vung Tau Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company Tax code: 0307526635-0010	No. 1559 National Highway 55, Long An Town, TT. Long Dien, Long Dien District, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam
- Kien Giang Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company Tax code: 0307526635-0011	No. 052 An Phuoc Hamlet, Binh An Commune, Chau Thanh District, Kien Giang Province
- Long Khanh Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0012	Group 10B, Bau Tram Hamlet, Bau Tram Commune, Long Khanh City, Dong Nai Province, Vietnam
- Khanh Hoa Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-007	Lot 02 - B4, Phuoc Long Urban Area, Phuoc Long Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province
- Dak Lak Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0013	No. 7B, Highway 14, Cuor Dang A village, Cuor Dang Commune, Cu M'gar District, Dak Lak Province, Vietnam.
- Binh Phuoc Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0014	DT.741, Hamlet 1, Tien Hung Commune, Dong Xoai Town, Binh Phuoc Province, Vietnam.
- An Giang Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0015	572 National Highway 91, Binh Phu 2 Hamlet, Binh Hoa Commune, Chau Thanh District, An Giang Province
- Tien Giang Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0016	No. 5/4 Highway 50, My Loi Hamlet, My Phong Commune, My Tho City, Tien Giang Province

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

- Bien Hoa Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0017	No. 9-11, Lot A10, GĐCB-QD4, Tan Phong Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
- Binh Thuan Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0018	Thang Hiep Village, Ham Thang Commune, Ham Thuan Bac District, Binh Thuan Province, Vietnam
- Buon Me Thuot Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0020	18 Village 13, Hoa Khanh Commune, City. Buon Ma Thuot, Dak Lak Province.
- Eakar Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0019	Km 56, Highway 26, Tan Sinh Village, Ea Dar Commune, Eakar District, Dak Lak Province.
- Binh Long Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0021	National Highway 13, Group 10, Phu Long Hamlet, Thanh Phu Commune, Binh Long Town, Binh
- Ben Tre Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0023	93 D, Binh Thanh Hamlet, Binh Phu Commune, City. Ben Tre, Ben Tre Province.
- Tay Ninh Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0025	Group 17A, Hiep Truong Hamlet, Hiep Tan Commune, Hoa Thanh District, Tay Ninh Province.
- Dong Thap Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0024	No. 425A, Highway 30, Group 13, An Dinh Hamlet, An Binh Commune, Cao Lanh District,
- Ca Mau Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0026	Lot No. 01-1A, Area A5, Street No. 02+03+H6, Ward 1, City. Ca Mau, Ca Mau Province
- Ninh Thuan Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0028	No. 03, Le Duan Street, Quarter 3, Dai Son Ward, Nha Trang - Thap Cham City, Ninh Thuan
- Tra Vinh Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0029	Phuong Thanh Commune, Cang Long District, Tra Vinh Province, Vietnam.
- Bac Lieu Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0027	National Highway 1A, Tan Tao Hamlet, Chau Hung Town, Vinh Loi District, Bac Lieu Province
- Long An Branch - Son Ha Saigon Joint Stock Company. Tax code: 0307526635-0030	Dong Tam Hamlet. Long Trach Commune, Can Duoc District, Long An Province, Vietnam.

2. **Business field** : Production - processing.
3. **Business industry** : Manufacturing and trading of metal structural products, tanks and metal containers.
4. **Staff**
As of march 31, 2026, the Company has 391 employees (as of December 31, 2025, 376 employees)
5. **Characteristics of the business's operations during the year/period that affect the financial statements**
The Company's production and business cycle is less than 12 months. The Company mainly produces products during the month, calculates prices at the end of the month and trades industrial goods. Products and goods are sold directly at the Company warehouse or transferred to branches for sale according to orders from the sales department.

II. FISCAL YEAR, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING

This note is an integral part and must be read in conjunction with the Financial Statements

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

1. Fiscal year

The Company's fiscal year begins on January 1 and ends on December 31 every year.

2. Currency unit used in accounting

The currency used in accounting is Vietnam Dong (VND).

III. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND REGIME

1. Applicable accounting standards and regimes

The company applies the Vietnamese Enterprise Accounting Regime issued under Circular 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance.

2. Statement on compliance with accounting standards and accounting regimes

The Board of General Directors ensures compliance with the requirements of accounting standards and the Vietnamese Enterprise Accounting Regime issued under Circular 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance. . as well as circulars guiding the implementation of accounting standards and regimes of the Ministry of Finance in preparing financial reports.

3. Applicable accounting form

The company uses bookkeeping form of accounting

IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES

1. Basis for preparing financial statements

The accompanying financial statements are presented in Vietnamese Dong (VND), according to the principle of historical cost and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting Regime and relevant legal regulations. to the preparation and presentation of financial reports.

The Company's financial statements are prepared in accordance with the Enterprise Accounting Regime issued together with Circular No.99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025 of the Ministry of Finance guiding the Enterprise Accounting Regime. Financial statements are prepared on the basis of accrual accounting (except for information related to cash flows). Subordinate units form their own accounting apparatus, dependent accounting. The financial statements of the entire Company are prepared on the basis of synthesizing the financial statements of the Company Office and its affiliated units. Revenue and balances between affiliated units are excluded when preparing financial statements.

2. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents include cash on hand, bank deposits, short-term investments or highly liquid investments. Highly liquid items are items that can be converted into specified amounts of cash within no more than 03 months and have little risk related to fluctuations in the conversion value of these items.

3. Inventory

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Inventories are determined on the basis of cost. The cost of inventories includes purchasing costs, processing costs and other directly related costs incurred to bring the inventories to their present location and condition.

Inventory value is calculated using the weighted average method and is accounted for using the regular declaration method.

Provision for devaluation of inventory is recognized when the original cost is greater than the net realizable value. Net realizable value is the estimated selling price of the inventories less the estimated costs of completing the products and the estimated costs necessary to sell them.

4. Trade and other receivables

Trade receivables and other receivables are recorded according to invoices and documents.

Provision for bad debts is made for each bad debt based on the overdue age of the debts or the expected level of loss that may occur, specifically as follows:

- For overdue receivables:
 - 30% of the value for receivables overdue from over 6 months to less than 1 year.
 - 50% of the value for receivables overdue from 1 year to less than 2 years.
 - 70% of the value for receivables overdue from 2 years to less than 3 years.
 - 100% of the value for receivables that are overdue for 3 years or more.
- For receivables that are not overdue but are unlikely to be recovered: base on the expected level of loss to set up provisions.

Increases or decreases in bad debt provision balances are recorded in corporate management expenses during the period.

5. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The historical cost of tangible fixed assets includes all costs that the Company must spend to acquire the fixed asset up to the time the asset is put into a ready-to-use state. Costs incurred after initial recognition are only recorded as an increase in the historical cost of a fixed asset if these costs definitely increase future economic benefits due to the use of that asset. Costs that do not satisfy the above conditions are immediately recorded as expenses.

When tangible fixed assets are sold or liquidated, their original cost and accumulated depreciation are written off and any gain or loss arising from the disposal is included in income or expenses for the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. Depreciation years for tangible fixed assets are as follows:

Type of fixed asset	Years/Rate
Houses, architectural objects	05 - 50
Machinery and equipment	03 - 12
Means of transport and transmission	07 - 10
Management equipment and tools	03 - 07

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

6. Financial leased fixed assets

A lease is classified as a finance lease if the majority of the risks and rewards associated with ownership of the asset belong to the lessee. Finance leased fixed assets are expressed at cost less accumulated depreciation. The cost of a fixed asset under a finance lease is the lower of the fair value of the leased asset at the inception of the lease contract and the present value of the minimum lease payment. The discount rate to calculate the present value of the minimum rental payment for a property lease is the interest rate implicit in the property lease contract or the interest rate stated in the contract. In case the interest rate implicit in the lease contract cannot be determined, the loan interest rate at the beginning of the lease will be used.

Finance leased fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. In the unlikely event that the Company will have ownership of the asset at the end of the lease term, the fixed asset will be depreciated over the shorter of the lease term and the estimated useful life.

7. Operating lease assets

The company is the lessor

Operating lease revenue is recognized on a straight-line basis over the lease term. Initial direct costs to generate operating lease revenue are recognized immediately as expenses when incurred or gradually allocated to expenses throughout the lease term in accordance with the recognition of operating lease revenue.

The company is the lessee

A lease is classified as an operating lease if the majority of the risks and rewards incidental to ownership of the asset belong to the lessor. Operating lease costs are reflected in expenses using the straight-line method throughout the lease term, regardless of the rental payment method.

8. Investment real estate

The Company's investment real estate is recorded at cost including houses and land use rights.

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The Company's intangible fixed assets include:

Land use rights

Land use rights are all actual expenses the Company has paid that are directly related to used land, including: money spent to have land use rights, costs for compensation and site clearance, site leveling, registration fees... Land use rights are amortized from 42 to 47 years according to the land allocation period.

Computer software

The purchase price of computer software that is not an integral part of related hardware is capitalized. The original price of computer software is all expenses that the Company has spent up to the time the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method over 3 years

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

10. Construction in progress costs

Construction in progress costs reflect costs directly related to the construction of factories and the installation of unfinished and uninstalled machinery and equipment. Assets that are under construction and installation are not depreciated.

11. Borrowing costs

Borrowing costs are recorded as expenses when incurred. In cases where borrowing costs are directly related to construction investment or production of unfinished assets that need a long enough period of time (over 12 months) to be put into use for the intended purpose or sold, then These borrowing costs are

For general loans that are used for construction investment purposes or production of unfinished assets, the capitalized borrowing costs are determined according to the capitalization rate for the average cumulative cost. rights arising for investment in capital construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated according to the weighted average interest rate of outstanding loans during the year/period, excluding separate loans serving the purpose of forming a specific asset.

12. Financial investment

Investments in securities, subsidiaries, affiliated companies and jointly controlled businesses are recorded at cost.

Provision for devaluation of securities is made for each type of securities traded on the market and whose market price decreases compared to the price currently recorded on the books. Loss provisions for financial investments in other economic organizations are made when these economic organizations suffer losses (except in cases where planned losses have been determined in the business plan before investment). investment) with a level of appropriation corresponding to the Company's capital contribution ratio in these economic organizations.

When disposing of an investment, the difference between the net liquidation value and the book value is accounted for as income or expense.

13. Upfront costs

Tools, utensils

Tools and equipment already put into use are allocated to expenses using the straight-line method with an allocation period of no more than 03 years.

Costs for building showrooms, property repair costs, property insurance costs

Allocated to expenses during the period according to the straight-line method with an allocation period not exceeding 03 years.

Advertising and rental costs

House rental advertising costs are allocated according to the term specified in the advertising contract and house rental contract.

14. Fees to pay:

Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates of the amount payable for goods and services used.

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

15. Loans and financial lease liabilities:

Reflects the Company's loans, financial lease debts and the payment situation of the Company's loans and financial lease debts.

16. Business capital sources

Owner's investment capital

Owner's investment capital is recorded according to the actual amount invested by shareholders.

Share capital surplus

Share capital surplus is recorded according to the difference between the issuance price and par value of shares upon initial issuance, additional issuance or the difference between reissue price and book value of treasury shares. Direct costs related to the issuance of additional shares and re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premium.

Treasury shares

When repurchasing shares issued by the Company, the payment, including transaction-related expenses, is recorded as treasury shares and is reflected as a deduction in equity. When re-issuing, the difference between the re-issue price and the book price of treasury shares is recorded in the target Share surplus.

17. Dividends

Dividends are recorded as a liability when declared.

18. Appropriation of funds

Funds are appropriated and used according to the Company's Charter as follows:

Purpose

- | | |
|-------------------------------|---|
| • Development investment fund | Expand business activities or investment in depth of the Company.
Compensate for losses and damages that occur during business or in unforeseen and force majeure cases such as natural disasters, fires, etc... |
| • Bonus and welfare fund | Reward and encourage material benefits, improve and enhance the material and spiritual life of employees |

Funds are appropriated according to the annual General Meeting of Shareholders Resolution.

19. Corporate income tax

Corporate income tax expense includes current income tax and deferred income tax.

Current income tax

Current income tax is a tax calculated based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustment of temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses as well as adjustment of non-taxable income and losses transferred.

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Deferred income tax

Deferred income tax is the corporate income tax that will be payable or refunded due to the temporary difference between the carrying value of assets and liabilities for financial reporting purposes and the values used for tax purposes. Deferred tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences. Deferred tax assets are recognized only when it is probable that taxable profits will be available in the future against which these deductible temporary differences can be utilized.

20. Principles for recognizing revenue and income

Revenue from sales of goods and finished products

Revenue from sales of goods and finished products is recognized when most of the risks and rewards associated with ownership and management of those goods and finished products are transferred to the buyer, and the elements no longer exist. There are significant uncertainties regarding payment, associated costs or possible return of goods sold.

Revenue from service provision

Revenue from rendering of services is recognized when there are no significant uncertainties regarding payment or associated costs. In case services are performed over multiple accounting periods, revenue is recognized based on the percentage of services completed at the end of the fiscal year.

Interest

Interest is recognized on the basis of time and actual interest rate each period.

Dividends and profits are distributed

Dividends and distributed profits are recognized when the Company is entitled to receive dividends or profits from capital contribution. Particularly, dividends received in the form of stocks are not recorded in income, but only the increased amount is tracked.

21. Cost of goods sold:

Reflects the capital value of products, goods, and services sold during the period.

22. Financial costs:

Reflects financial operating expenses including costs or losses related to financial activities, borrowing costs, provisions for reducing investment losses in other units, billion dollar losses, exchange rate.

23. Selling expenses and business management expenses:

Reflects actual costs incurred in the process of selling goods, products, services and general management costs of the business.

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)**24. Report by department**

A business segment is a separately identifiable part that is involved in the production or provision of products or services and has risks and economic returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a separately identifiable part that is involved in the production or provision of products or services within a particular economic environment and that is subject to economic risks and benefits, different from business divisions in other economic environments.

25. Related parties

Parties are considered to be related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating policy decisions. Parties are also considered related if they are subject to common control or common significant influence.

In considering the relationship between related parties, more emphasis is placed on the nature of the relationship than the legal form.

All transactions and balances with related parties arising in the period from January 1, 2026 to March 31, 2026 are presented by the Company in the notes below.

V. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	31/03/2026	01/01/2026
Cash on hand	20,183,850,398	13,359,139,899
Cash at banks	39,109,963,667	70,469,908,775
Cash in Transit		
Total	59,293,814,065	83,829,048,674

2. Financial investments

	31/03/2026		01/01/2026	
	Historical cost	Book value	Historical cost	Book value
+ Short-term financial investment:				
VIB Bank	10,000,000,000		10,000,000,000	
MB Bank	9,200,000,000		9,200,000,000	
Kbank	5,000,000,000		5,000,000,000	
Vietin Bank	4,000,000,000		2,000,000,000	
Total	28,200,000,000		26,200,000,000	

3. Short-term trade receivables

	31/03/2026	01/01/2026
--	------------	------------

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Son Ha Chu Lai International Sole Member Limited Liability (			
Son Ha Xanh Group Joint Stock Company			105,192,000
Thien Thanh Loi Mechanical - Trading - Service Company Limited	42,614,686,166		44,591,627,488
Hai Phat Steel Production & Trading Company Limited	25,888,093,205		25,157,884,779
Dai Phu Thinh Production - Trading - Technical Services Company Limited	15,989,480,165		15,989,480,165
Dai Phong Phu Trading and Service Company Limited	822,711,533		822,711,533
Duc Thinh Production and Trading Company Limited	2,285,032,992		2,972,008,051
Minh Ngoc Duong Mechanical Construction Company Limite	27,451,664,317		42,286,256,712
Kim Phat Trading Company Limited	7,136,489,237		6,626,714,360
VINA Metal Import Export Company Limited	33,855,330,016		30,334,955,729
Son Ha International Joint Stock Company			
Hung Thinh Trading Service and Development Company Limited	21,533,648,081		32,673,494,789
Other Customers	69,613,773,668		65,109,027,343
Total	247,190,909,380		266,669,352,949
Receivables from customers are related parties:			
	31/03/2026		01/01/2026
Son Ha Xanh Group Joint Stock Company			105,192,000
Son Ha International Joint Stock Company			
Cộng			105,192,000
4. Other short-term receivables			
Short-term	31/03/2026		01/01/2026
- Receivables from employees	34,129,829,592		35,431,830,903
- Deposit, deposit	249,625,604		200,439,316
- Social insurance	169,996,995		169,996,995
- Other short-term receivables	1,495,611,656		1,588,532,606
Total	36,296,863,382		37,390,799,820
Long-term			
- Long-term deposits and deposits	23,220,460,684		23,220,460,684
Total	23,220,460,684		23,220,460,684
Total	59,517,324,066		60,611,260,504
5. Bad debt			
	31/03/2026		01/01/2026
	Historical cost	Recoverable	Historical cost
Dai Phong Phu Trading and Service	822,711,533		822,711,533
Chu Lai	375,152,348		375,152,348
Total	1,197,863,881		1,197,863,881

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

6.	Inventories	31/03/2026	01/01/2026				
	Goods in transit	7,144,091,915	2,899,093,251				
	Raw materials	189,701,306,147	193,819,924,911				
	Tools, utensils	52,904,243	53,338,261				
	Work in progress	26,759,747,144	27,295,977,811				
	Finished goods	85,292,401,474	81,492,795,774				
	Goods	159,907,937,309	162,590,535,305				
	Total	468,858,388,232	468,151,665,313				
7.	Provision for devaluation of inventory	31/03/2026	01/01/2026				
	Goods						
	Total						
8.	Short-term prepaid expenses	31/03/2026	01/01/2026				
	Short-term						
-	Prepaid expenses of warehouse rental	905,710,786	1,107,991,663				
-	Tools and supplies issued for uses	123,590,417	221,652,244				
-	Land rental expenses	1,094,859,067	1,564,084,384				
-	Insurance expenses	185,445,788	322,121,298				
-	Other prepaid expenses	1,013,336,700	301,572,385				
	Total	3,322,942,758	3,517,421,974				
	Long-term	31/03/2026	01/01/2026				
-	Tools and supplies expenses	368,891,854	312,649,969				
-	Insurance expenses	84,972,228	96,055,560				
-	Other accounts	414,722,837	216,947,240				
	Total	868,586,919	625,652,769				
	Total	4,191,529,677	4,143,074,743				
9.	Tangible fixed assets						
		Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Asset permanent other	Total
HISTORICAL COST							
	01/01/2026	124,423,746,595	56,154,317,617	54,705,634,624	13,833,125,195		249,116,824,031
	Increase during the year	86,500,000	3,725,497,407				3,811,997,407
	- Purchase during the year	86,500,000	3,725,497,407				3,811,997,407

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

- Basic construction investment completed
- Acquisition of fixed assets under financial lease
- Decrease for the year

31/03/2026	124,510,246,595	59,879,815,024	54,705,634,624	13,833,125,195	252,928,821,438
------------	-----------------	----------------	----------------	----------------	-----------------

ACCUMULATED DEPRECIATION

01/01/2026	55,780,233,085	44,502,354,163	48,168,537,709	12,747,797,241	161,198,922,198
Increase during the year	1,348,731,254	954,807,941	657,060,423	92,771,935	3,053,371,553
- Depreciation for the year	1,348,731,254	954,807,941	657,060,423	92,771,935	3,053,371,553
- Acquisition of fixed assets under					
Decrease for the year					
- Liquidation, sale					
- Other reductions (specify)					

31/03/2026	57,128,964,339	45,457,162,104	48,825,598,132	12,840,569,176	164,252,293,751
------------	----------------	----------------	----------------	----------------	-----------------

NET CARRYING AMOUNT

01/01/2026	68,643,513,510	11,651,963,454	6,537,096,915	1,085,327,954	87,917,901,833
31/03/2026	67,381,282,256	14,422,652,920	5,880,036,492	992,556,019	88,676,527,687

10 Finance lease fixed asset

	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Asset permanent other	Total
HISTORICAL COST					
01/01/2026	1,090,944,420				1,090,944,420
Increase during the year					
- Financial lease for the year					
- Other increases (specify)					
- Decrease for the year					
- Acquisition of fixed assets under financial lease					
- Return financial lease fixed assets					
- Other reductions (specify)					
31/03/2026	1,090,944,420				1,090,944,420

ACCUMULATED DEPRECIATION

01/01/2026	800,025,908				800,025,908
------------	-------------	--	--	--	-------------

This note is an integral part and must be read in conjunction with the Financial Statements

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Increase during the year	54,547,221				54,547,221
- Depreciation for the year	54,547,221				54,547,221
- Other increases (specify)					
- Decrease for the year					
- Acquisition of fixed assets under financial lease					
31/03/2026	<u>854,573,129</u>				<u>854,573,129</u>

NET CARRYING AMOUNT

01/01/2026	290,918,512				290,918,512
31/03/2026	<u>236,371,291</u>				<u>236,371,291</u>

11 Intangible fixed assets

	Right of Land use	Copyright, patent	Brand goods	Computer software	...	Total
HISTORICAL COST						
01/01/2026	54,061,075,444			1,063,059,000		55,124,134,444
Increase during the year						
- Financial lease for the year						
- Other increases (specify)						
Decrease for the year						
- Other reductions (specify)						
31/03/2026	<u>54,061,075,444</u>			<u>1,063,059,000</u>		<u>55,124,134,444</u>

ACCUMULATED AMORTISATION

01/01/2026	15,978,241,814			1,063,059,000		17,041,300,814
Increase during the year	298,050,399					298,050,399
- Depreciation for the year	298,050,399					298,050,399
Decrease for the year						
- Liquidation and sale						
31/03/2026	<u>16,276,292,213</u>			<u>1,063,059,000</u>		<u>17,339,351,213</u>

NET CARRYING AMOUNT

01/01/2026	38,082,833,630					38,082,833,630
31/03/2026	<u>37,784,783,231</u>					<u>37,784,783,231</u>

12 Long-term assets in progress

	01/01/2026	Expenses incurred during the year	Transferred to fixed assets during the year	Other reductions carried forward	31/03/2026
- Land using right (*)	31,049,377,274				31,049,377,274

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

- Construction in progress	1,146,000,000	96,770,800		1,242,770,800
	<u>32,195,377,274</u>	<u>96,770,800</u>		<u>32,292,148,074</u>

13 Short-term trade payables

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Posco Vst Co., Ltd	4,291,696,221	5,456,286,075
- Son Ha Development of Renewable Energy Joint Stock C	1,099,350,361	1,118,436,961
- Long Son Petrochemical Company Limited	10,269,728,591	1,386,923,892
- Sonha Ssp Vietnam Sole Member Company Limited	873,800,500	6,662,892,330
- Son Ha Bac Ninh Household Equipment Company Limite	144,936,000	
- Son Ha Xanh Group Joint Stock Company		13,066,922,181
- Other objects	10,872,467,232	9,270,323,211
Total	<u>27,551,978,905</u>	<u>36,961,784,650</u>

Payables to sellers are related parties

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Son Ha Development of Renewable Energy Joint Stock C	1,099,350,361	1,118,436,961
Sonha Ssp Vietnam Sole Member Company Limited	873,800,500	6,662,892,330
Son Ha Xanh Group Joint Stock Company		13,066,922,181
Son Ha Bac Ninh Household Equipment Company Limite	144,936,000	
Total	<u>2,118,086,861</u>	<u>20,848,251,472</u>

14 Taxes and other payables to The State

	<u>01/01/2026</u>	<u>Incurred during the year</u>	<u>Payment during the year</u>	<u>31/03/2026</u>
Taxes and other payables to The State				
Value added tax payables	975,515,257	1,683,951,422	2,156,583,565	502,883,114
Export-import duty		49,275,218	49,275,218	
Corporate income tax	2,759,876,951	1,215,529,678	3,021,292,258	954,114,371
Personal income tax	75,962,982	311,452,273	316,811,075	70,604,180
Total		<u>3,260,208,591</u>	<u>5,543,962,116</u>	

3.664.922.414

15 Short-term accrued expenses

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Accrued expenses for bonuses and promotional items	2,058,787,603	2,433,832,246
- Travel, fuel, other expenses	644,316,415	1,764,457,450
- Interest expenses	551,898,303	730,396,574
Total	<u>3,255,002,321</u>	<u>4,928,686,270</u>

16 Other short-term payables

Short-term	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Assets in surplus awaiting resolution	210,963,645	241,685,524

This note is an integral part and must be read in conjunction with the Financial Statements

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Excess assets awaiting resolution		206,659,241
Must pay dividends and other payables	716,955,471	299,727,213
Total	927,919,116	748,071,978
Long-term		
Long-term mortgages, deposits received	243,419,000	233,919,000
Total	243,419,000	233,919,000
Total	1,171,338,116	981,990,978

17 Bonus and welfare fund

	01/01/2026	Increase due to appropriation from profits	Another increase	Fund expenditure during the	Another reduction	31/03/2026
Reward Fund	2,281,906,844					2,281,906,844
Total	2,281,906,844					2,281,906,844

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

18. Borrowings and finance lease liabilities

Description	31/12/2025		During the year			01/01/2024	
	Amount	Ability-to-pay	Increase	Decrease	Amount	Ability-to-pay	
a) Short-term financial lease loans and debt	562,205,890,048	562,205,890,048	289,881,921,410	323,444,780,634	595,768,749,272	607,928,641,942	
Short-term borrowings	562,205,890,048	562,205,890,048	289,881,921,410	323,444,780,634	595,768,749,272	607,928,641,942	
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - CN12 Ho Chi Minh City	173,876,091,493	173,876,091,493	79,088,159,023	79,856,104,088	174,644,036,558	173,464,635,264	
- Vietnam Bank and Development Investment - Hoc Mon Branch	202,016,250,823	202,016,250,823	114,013,547,593	109,187,268,195	197,189,971,425	178,713,033,810	
- Military Commercial Joint Stock Bank (MB Bank)	25,052,434,740	25,052,434,740	-	4,946,810,968	29,999,245,708	29,265,866,038	
- KASIKORNBANK Public Bank Limited	9,031,426,637	9,031,426,637	734,848,800	6,222,645,031	14,519,222,868	15,832,603,190	
- VTB Bank	16,886,390,150	16,886,390,150	8,754,888,832	11,654,336,551	19,785,837,869	33,261,054,390	
- Loan from Vietnam Industrial and Commercial Bank - Quang Nam Industry	111,873,994,713	111,873,994,713	61,718,282,251	56,383,718,114	106,539,430,576	98,669,200,258	
- Loan from Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank - Quang Nam Branch	23,469,301,492	23,469,301,492	25,572,194,911	32,042,884,028	29,939,990,609	32,420,221,674	
- Loan from Vietnam International Bank (VIB)	-	-	-	23,151,013,659	23,151,013,659	46,302,027,318	
Finance lease liabilities	-	-	-	-	-	-	
+ Long-term debt due (term less than 1 year) Hanoi City	-	-	-	-	-	-	
+ City	-	-	-	-	-	-	
b) Long-term financial lease loans and debt	255,242,000	255,242,000	-	58,911,000	314,153,000	314,153,000	
Finance lease liabilities	255,242,000	255,242,000	-	58,911,000	314,153,000	314,153,000	
- Financial Leasing Company - Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch	-	-	-	-	-	-	
+ Financial Leasing Company - Vietin Chu Lai Bank	255,242,000	255,242,000	-	58,911,000	314,153,000	314,153,000	
	562,461,132,048	562,461,132,048	289,881,921,410	323,503,691,634	342,178,745,493	608,242,794,942	

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)**19 Owners' equity****19.a CHANGES IN OWNERS' EQUITY**

	Owner's contributed capital	Development investment funds	Share premium	Retained earnings	Total
01/01/2026	334,466,750,000	13,686,797,071	(250,000,000)	78,387,019,728	426,290,566,799
Increase in capital in the previous year				16,093,323,196	16,093,323,196
Profit distribution				(16,995,570,000)	(276,000,000)
Stock Dividend Distribution	16,719,570,000			(16,719,570,000)	
+ Income ofv the Board of Directors and the Board of Supervisors				(276,000,000)	(276,000,000)
31/12/2025	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	77,484,772,924	442,107,889,995
01/01/2026	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	77,484,772,924	442,107,889,995
Profit for the current year					
Profit distribution					
+ Income ofv the Board of Directors and the Board of Supervisors					
31/03/2026	351,186,320,000	13,686,797,071	(250,000,000)	77,484,772,924	442,107,889,995

19.b Share

	31/03/2026	01/01/2026
Number of shares to be issued	35,118,632	35,118,632
Number of shares offered to the public	35,118,632	35,118,632
- Ordinary shares	35,118,632	35,118,632
- Preference shares		
Number of shares repurchased		
- Ordinary shares		
- Preference shares		
Number of shares in circulation	35,118,632	35,118,632
- Ordinary shares	35,118,632	35,118,632
- Preference shares		
Par value per share (VND/share)	10,000	10,000

VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENTS**1 Revenue from sales of goods and rendering of services**

01/01/2026	01/01/2025
31/03/2026	31/03/2025

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

Total revenue	308,705,622,086	293,719,160,524
- Revenue from sales of goods	138,848,372,267	135,604,248,888
- Revenue from selling finished products	169,093,613,455	157,351,275,272
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	763,636,364	763,636,364
Revenue deductions:	165,096,598	15,428,426,416
- Trade discounts	30,391,339	15,370,313,764
- Reduced sales prices		
- Goods sold are returned	134,705,259	58,112,652
Net revenue from sales of goods and rendering of services	<u>308,540,525,488</u>	<u>278,290,734,108</u>
2 Cost of goods sold		
	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
Cost of goods supplied	122,392,606,124	112,389,904,614
Cost of finished products provided	144,633,616,484	129,789,484,998
Total	<u>267,026,222,608</u>	<u>242,179,389,612</u>
3 Financial income		
	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
Interest from bank deposits, loans	352,686,912	307,486,735
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		38,437
Revenue from other financial activities	2,809,152,353	2,149,483,334
Total	<u>3,161,839,265</u>	<u>2,457,008,506</u>
4 Financial expenses		
	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
Interest expenses	8,527,619,732	7,853,532,253
Realized loss on foreign exchange rate difference		38,437
Total	<u>8,527,619,732</u>	<u>7,853,570,690</u>
5 Selling expenses		
	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
Labour costs	13,639,887,369	10,991,002,152
Costs of materials	203,058,855	170,632,732
Depreciation and amortisation	769,464,003	2,149,561,830
Outsource service expenses	4,264,080,190	2,148,479,548
Other montary expenses	3,992,551,893	3,330,780,235
Total	<u>22,869,042,310</u>	<u>18,790,456,497</u>
6 General and administrative expenses		

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

	01/01/2026 31/03/2026	01/01/2025 31/03/2025
Labour costs	3,520,984,021	2,777,690,705
Costs of materials	536,844,921	404,759,305
Depreciation and amortisation	944,128,343	1,463,568,407
Outsource service expenses	998,487,522	744,317,943
Other montary expenses	1,183,021,583	606,554,265
Total	7,183,466,390	5,996,890,625
7 Other income	01/01/2026 31/03/2026	01/01/2025 31/03/2025
Gain on disposal of fixed assets		
Others	68,037,588	75,418,538
Total	68,037,588	75,418,538
8 Other expenses	01/01/2026 31/03/2026	01/01/2025 31/03/2025
Fines and late payment interest according to Decision 778/QĐ-CT		453,448,268
Fines and late payment interest according to Decision 436/QĐ-CT	221,284,573	
Others	41,082	509,141
Cộng	221,325,655	453,957,409
9 Basic earnings per share		
The Company does not calculate this indicator on the separate financial statements because according to the provisions of accounting standard No. 30 on "Earnings per share", the Company must prepare both a separate financial statement and a financial statement. If consolidated, information about earnings per share must only be presented in accordance with the provisions of this standard on the Consolidated Financial Statements.		

VII TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

Related parties	Relationship
- Son Ha Industry Company Limited	Subsidiary of Son Ha Chu Lai International Company Limited
- Son Ha Chu Lai International Sole Member Limited	Subsidiary company
- Son Ha General Trading Development Investment Joint Stock Company	Mr. Le Hoang Ha is Chairman of the Board of Directors
- Son Ha Green Group Joint Stock Company	Mr. Le Hoang Ha is Chairman of the Board of
- Son Ha International Joint Stock Company (SHI)	Mr. Le Hoang Ha is the younger brother of the
- Son Ha SSP Vietnam Sole Member Company	100% capital subsidiary of SHI

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

-Son Ha Bac Ninh Household Equipment Company	100% capital subsidiary of SHI
-Son Ha Development of renewable energy Joint	51.59% capital subsidiary of SHI

Deal with members of time management owners and relevant individuals

Key management members and related individuals include: members of the Board of Directors, Board of General Directors and close family members of these individuals.

Transactions with key management members and related individuals are as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of this period	
	31/03/2026	01/01/2026
Board of Directors		
Advance		
Executive Board		
At the end of the accounting period, liabilities to key management members and related individuals are as follows:		
	31/03/2026	01/01/2026
Board of Directors		
Executive Board		
Add accounts receivable		
	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
1.General Director: Ms. Ngo Thi Thanh Lan	289,716,000	140,707,000
2. Deputy General Director: Mr. Hoang Tuan Thanh	235,931,000	133,152,000
Income of General Directors	525,647,000	273,859,000
1. Head of the Supervisory Board: Mr Nguyen Van Tuan	179,010,000	79,527,000
2. Member of the Supervisory Board Ms. Le Hoang Anh	0	58,832,000
3. Member of the Supervisory Board Ms.Nguyen Thi Kim Loan	77,845,000	70,778,000
Salary of the Board of Supervisors	256,855,000	209,137,000
1. Chairman: Mr. Le Hoang Ha	15,000,000	15,000,000
2. Member: Mr. Le Van Nga	9,000,000	9,000,000
3. Member: Mr. Le Van Thanh	9,000,000	9,000,000
4. Member: Mrs. Trinh Thi Phuong Linh	9,000,000	9,000,000
5. Member: Mrs. Pham Thi Uyen	9,000,000	9,000,000
Income of the Board of Directors	51,000,000	51,000,000
1. Head of the Supervisory Board: Mr Nguyen Van Tuan	9,000,000	9,000,000
2. Member of the Supervisory Board Ms. Le Hoang Anh	4,500,000	4,500,000
3. Member of the Supervisory Board Ms.Nguyen Thi Kim Loan	4,500,000	4,500,000
Income of the Board of Supervisors	18,000,000	18,000,000

Transactions arising during the year between the Company and related parties

	01/01/2026	01/01/2025
	31/03/2026	31/03/2025
Son Ha Green Group Joint Stock Company		
- Purchase goods, raw materials	134,968,494,551	136,761,025,214
- Sell goods, raw materials	0	
- Sell assets	0	
Son Ha SSP Vietnam Sole Member Company Limited		

SON HA SAIGON JOINT STOCK COMPANY

Address: 292/5 80 Hamlet, Dong Thanh Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year 2026, ending on March 31, 2026

Notes to the financial statements (continued)

- Purchase goods, raw materials		51,046,567,827
- Discounts	69,461,282,262	2,131,759,395
- Volume discount	2,809,091,000	
- Return goods	2,820,385,573	

Son Ha Bac Ninh Household Equipment Company Limited

- Purchase goods, raw materials	460,503,052	260,551,090
---------------------------------	-------------	-------------

Son Ha Development of renewable energy Joint stock company

- Purchase goods, raw materials	1,058,275,400	806,283,300
- Sell goods, raw materials	68,181,818	
- Return goods	34,314,210	

Son Ha General Trading Development Investment Joint Stock Company

- Purchase goods, raw materials		
---------------------------------	--	--

HCM, 28 April 2026

Preparer



Le Hoang Oanh

Chief Accountant



Tran Thi Thu Hanh

General Directors



Ngo Thi Thanh Lan